TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D K** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D K - TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Phi
Bà Phan Thị Xuân Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K - Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D K - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLST-DS ngày 28/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25a/2023/QĐXX-ST ngày 22/08/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q T Vi N
Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, tòa nhà S T, 111A P, phường B N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phan Thanh T, sinh năm 1996 (Theo giấy ủy quyền số 132583.23 ngày 08/8/2023 của Giám đốc THN Trực tiếp và xử lý nợ vùng Đông Hồ Chí Minh và Trung Bộ - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng Bán lẻ 1- Khối Ngân hàng Bán lẻ VIB). Có mặt
* Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ Ng, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn P K T, xã D T, D K, Khánh Hòa. Vắng mặt.
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Lê T, sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn P K T, xã D T, D K, Khánh Hòa.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2022, bản tự khai ngày 09/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/4/2021, bà Trần Thị Mỹ Ng có ký kết với ngân

hàng hợp đồng đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản để phát hành 1 thẻ tín dụng với hạn mức là 27.000.000 đồng, thẻ tín dụng số 5268873000642963, loại thẻ: Online Plus, lãi suất và phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ VIB: theo quy định lãi suất thẻ là 36%/năm và phí theo biểu mẫu phí chung của Ngân hàng, tại thời điểm vay phí thường niên là 499.000 đồng/năm, phí chậm thanh toán: 4%/tháng (tối thiểu 200.000 đồng, tối đa 2.000.000 đồng), phí vượt hạn mức: 4%/tháng x số tiền vượt hạn mức (tối thiểu 50.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Ng đã rút tiền mặt nhiều lần và bà Ng đã vi phạm các nội dung quy định tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và sử dụng tài khoản ngày 22/4/2021. Khoản vay của bà Ng đã quá hạn thanh toán từ ngày 09/8/2021 do bà Ng rút tiền nhưng không thanh toán lãi và phí theo quy định. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Ng thanh toán nhưng bà Ng vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/9/2023, bà Ng còn nợ Ngân hàng số tiền là 54.558.775 đồng, nợ gốc: 26.979.062 đồng, nợ lãi 7.903.766 đồng và phí 19.675.947 đồng (trong đó, phí thường niên: 499.000 đồng, phí trễ hạn: 14.689.707 đồng, phí vượt hạn mức: 4.487.240 đồng). Nay ngân hàng yêu cầu bà Ng phải trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 29/9/2023 là 54.558.775 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh sau ngày 29/9/2023 cho đến khi bà Ng thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Việc Ngân hàng cho bà Ng vay nợ thì đây là hợp đồng tín chấp, vay dạng thẻ, chỉ có cá nhân bà Ng vay nên khoản nợ vay này chỉ liên quan đến mình bà Ng, không có liên quan đến bất kì ai khác nên Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà Ng trả nợ đối với số nợ vay này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà Ng, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung: Qua đơn khởi kiện, bản tự khai của người đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Q T V N, hợp đồng đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/4/2021 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần cổ phần Q T V N có phát hành cho bà Trần Thị Mỹ Ng 01 thẻ tín dụng số 5268873000642963, loại thẻ: Online Plus với hạn mức là 27.000.000 đồng, lãi suất và phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ VIB: theo quy định lãi suất thẻ là 36%/năm, phí theo biểu mẫu phí chung của Ngân hàng và bà Ng đã sử dụng thẻ do Ngân hàng cấp.

Trong quá trình thực hiện thẻ tín dụng, bà Ng đã rút tiền mặt rất nhiều lần với số tiền là 26.979.062 đồng nhưng không thay toán lãi và phí theo quy định, bà Ng đã vi phạm các nội dung quy định tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và sử dụng tài khoản ngày 22/4/2021. Vì vậy, khoản vay của bà Ng đã quá hạn thanh toán từ ngày 09/8/2021. Do đó, Ngân hàng thương mại Q T V N khởi kiện yêu cầu bà Ng thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi, phí tính đến thời điểm xét xử là có căn cứ.

Đối với ông Lê T: Mặc dù đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Ng và ông T; tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Ng, ông T không đến Tòa án để làm việc cũng như không có ý kiến trình bày về khoản nợ vay này của bà Ng, đồng thời Ngân hàng khởi kiện xác định cho cá nhân bà Ng vay và chỉ yêu cầu bà Ng trả nợ nên không có cơ sở xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, đối với khoản nợ vay này Ngân hàng yêu cầu mình bà Ng trả nợ là phù hợp.

[4] Về lãi suất vay trong hạn và phí:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định "*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo Hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Đối với lãi suất trong hạn của hợp đồng, thời điểm Ngân hàng TMCP Q T V N cho vay 36%/năm là cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....*"; tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng và khách hàng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của*

pháp luật" và tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam Quy định về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo nhu cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp ngân hàng nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này"*. Tại điểm 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "*Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này"*.

Vì vậy, đối với khoản lãi suất và phí này, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất trong hạn và phí mà các bên đã thỏa thuận.

[5] Ngoài khoản nợ gốc, lãi trong hạn, phí mà bà Ng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q T V N theo hợp đồng thẻ tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà Ng còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Điều này đã được quy định rõ tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tại phần quy định chung cũng cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q T V N nên bà Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 2.727.938 đồng (54.558.775 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463, 466, 468 và 325 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q T V N.

Buộc bà Trần Thị Mỹ Ng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q T V N số tiền tính đến ngày 29/9/2023 là 54.558.775 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 26.979.062 đồng, nợ lãi 7.903.766 đồng và phí 19.675.947 đồng (trong đó, phí thường niên: 499.000 đồng, phí trễ hạn: 14.689.707 đồng, phí vượt hạn mức: 4.487.240 đồng).

Kể từ ngày 30/9/2023, bà Trần Thị Mỹ Ng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.727.938 đồng (*Hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q T V N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.364.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012301 ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D K - Khánh Hòa.

3. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D K;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.